

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-PT  
Ngày: 05-01-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản và hợp đồng bảo lãnh

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Vũ.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Quốc Tuấn; bà Phan Thị Mai Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 212/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Thông báo ngày xét xử số: 147/TB-TA, ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bà L:* Chị Võ Hương D, sinh năm 1993; cư trú tại: Phường 3, thành phố TN, tỉnh TN (theo Văn bản ủy quyền ngày 02-6-2020); có mặt.

*Bị đơn:* - Công ty E.

Địa chỉ: Số 03, ấp PA, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp PA, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T:* Ông Nguyễn Văn R, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn R, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Anh Đặng Xuân H, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn TV, xã HV, huyện ÂT,

tỉnh HY; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của anh H:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp PA, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 07-6-2021); có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phan Văn T, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp PA, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Anh Tạ Anh P, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp BK xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Anh Phan Văn T, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15-12-2020, nguyên đơn bà Ngô Thị L và người đại diện hợp pháp của bà L, chị Võ Hương D trình bày:*

Ngày 26-8-2018, anh Đặng Xuân H ký giấy vay của bà Ngô Thị L số tiền 200.000.000 đồng để xây nhà, anh Phan Văn T là người đại diện theo pháp luật cho Công ty E (viết Cty) ký tên, đóng dấu bảo lãnh cho anh H. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, không hẹn ngày trả nợ, nhưng anh T, anh H có hứa sẽ trả tiền lãi cho bà L tương đương với lãi suất ngân hàng cho vay 11,3%/ năm (vì số tiền bà L cho anh H vay là tiền vay ngân hàng bà L chưa sử dụng), tiền lãi ba tháng trả một lần, anh T cho biết khi nào bà L cần sử dụng số tiền trên thì báo trước nhưng cũng không ấn định thời gian.

Sau khi vay tiền, đến ngày 17-12-2018, anh T chuyển khoản trả cho bà L 8.000.000 đồng tiền lãi và ngưng không trả nữa, trong tháng 6-2019 bà L nhiều lần điện thoại yêu cầu trả tiền nhưng anh T, anh H không nghe điện thoại và cũng không trả cho bà L thêm được số tiền nào.

Đối với giấy trả tiền ngày 04-12-2018, anh T cung cấp và cho rằng đã trả xong cho bà L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 125.000.000 đồng, nhưng bà L xác định anh T chưa trả tiền cho bà, giấy trả tiền anh T cung cấp cho Tòa án có dấu hiệu bị cắt xén và ghi thêm nội dung.

Bà L yêu cầu anh Đặng Xuân H và Cty cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 30-6-2019 (ngày cuối cùng bà L đòi tiền) cho đến ngày xét xử.

Trường hợp Tòa án xác định Cty không nợ bà L, mà cá nhân anh T nợ, thì bà L chấp nhận yêu cầu anh T, anh H có nghĩa vụ trả nợ cho bà.

*Anh Phan Văn T, là người đại diện theo pháp luật của Công ty E, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là người đại diện hợp pháp của anh Đặng Xuân H trình bày:* Ngày 26-8-2018, anh H có vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng để xây nhà. Do bà L không quen biết anh H nên thông qua anh, bà L mới cho anh H vay tiền, khi anh H ký giấy vay tiền, anh là người ký tên bảo lãnh cho

khoản vay này, không phải Cty đứng ra bảo lãnh, việc anh ký tên và đóng dấu Cty vào giấy vay tiền để bảo lãnh cho anh H là do không hiểu biết pháp luật.

Khi anh H vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 05%/ tháng và trả tiền lãi hàng tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng. Số tiền bà L cho anh H vay là tiền bà L vay ngân hàng và đến cuối năm 2018 bà L phải trả số tiền vay này, nên anh H cũng phải có nghĩa vụ trả tiền lại cho bà L.

Sau khi vay, hàng tháng anh là người thay anh H trả tiền lãi đầy đủ cho bà L, nhưng không làm giấy và cũng không ai biết. Đến ngày 04-12-2018, tại quán nước khi bà L đi rẫy về ghé, anh trực tiếp trả cho bà L số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi 125.000.000 đồng, nhưng không lấy lại được giấy nợ cũ, vì khi trả có làm giấy nhận tiền do bà L ký nhận. Anh không nhớ thời gian nào, nhưng sau đó anh còn chuyển khoản cho bà L mượn 8.000.000 đồng để trả lãi ngân hàng, nhưng anh cho luôn bà L số tiền này, vì trước đây bà L có cho anh mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo lãnh vay tiền tại ngân hàng, do đó anh trả thêm số tiền 125.000.000 đồng xem như trả ơn.

Anh H là nhân viên của Cty do anh là người đại diện. Tất cả tiền lãi trả hàng tháng theo thỏa thuận và tiền vay đã trả cho bà L, là tiền của anh H giao cho anh để trả nợ cho bà L. Đối với số tiền trả hơn cho bà L ngoài thỏa thuận là tiền của cá nhân anh.

Anh và anh H không còn nợ bà L số tiền nào, nên không đồng ý trả. Trường hợp Tòa án xác định số tiền nợ 200.000.000 đồng chưa trả, anh đồng ý một mình trả cho bà L, vì số nợ này không còn liên quan đến anh H.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tạ Anh P trình bày:* Năm 2018, anh T có mượn Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Giao thông vận tải III của anh để thành lập Cty, vì anh T không có bằng cấp liên quan đến hoạt động lĩnh vực này. Anh không góp vốn, không hưởng lợi, không tham gia vào hoạt động của Cty, nên anh không có nghĩa gì đối với Cty.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 342, 335, 336, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 92, 26, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.

Buộc anh Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị L số tiền 240.778.000 đồng, trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 40.778.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L về việc yêu cầu Công ty E và anh Đặng Xuân H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 240.778.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14-7-2021, anh Phan Văn T kháng cáo cho rằng, đã trả xong tiền vay

cho bà L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T tranh luận cho rằng, việc vay tiền bà L của anh H, anh T là có thật, nhưng sau khi vay tiền đến ngày 04-12-2018, anh T đã trả xong tiền vay cho bà L bằng một giấy nhận tiền có chữ ký, chữ viết họ và tên của bà L, nhưng giấy nợ này bà L ký tên ở phần trên nội dung ghi nhận tiền, mà không ký khóa ở cuối giấy nhận tiền là không hợp lý, nhưng phải xem xét nội dung giấy trả nợ này có bị cắt xén, viết thêm nội dung để lừa gạt bà L hay không, vì anh T cũng có thể viết thêm nội dung cả khi bà L ký tên ở cuối giấy trả nợ.

Ban đầu nguyên đơn không thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình, nhưng kết quả giám định đã xác định chữ ký, chữ viết trong giấy nhận tiền do bà L ký và viết họ tên, do đó bà L không thừa nhận có nhận tiền anh T trả là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T.

Anh T cho rằng, số tiền trả cho bà L là của Cty vay ở ngân hàng và anh vay lại của Cty để trả cho bà L; đối với số tiền 8.000.000 đồng bà L hỏi vay anh để trả nợ lãi ngân hàng, nhưng sau đó anh cho bà L luôn số tiền này.

Chị D tranh luận, giấy trả tiền ngày 04-12-2018 anh T cung cấp để chứng minh đã trả tiền vay cho bà L có dấu hiệu cắt xén từ một tờ giấy A4 và bị đơn cho rằng không còn giấy trắng ở cuối giấy để bà L ký tên là không hợp lý, vì mặt sau giấy trả nợ này là giấy trắng, bà L ký xác nhận vẫn được. Anh T khai trả tiền lãi hàng tháng cho bà L theo mức lãi suất 05%/ tháng cho đến ngày trả số nợ này, nhưng trong giấy trả nợ, anh T ghi trả tiếp tiền lãi cho bà L 125.000.000 đồng là mâu thuẫn nhau, sau đó đến ngày 17-12-2018, anh T tiếp tục trả tiền lãi cho bà L 8.000.000 đồng. Từ những mâu thuẫn trên, xác định anh T chưa trả tiền cho bà L, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh T trả tiền vay và tiền lãi cho bà L như bản án sơ thẩm đã tuyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, giấy trả tiền vay ngày 04-12-2018, kết luận giám định là chữ ký, chữ viết của bà L, nhưng chữ ký, chữ viết lại nằm ở góc trái phía trên giấy trả tiền, sau đó mới thể hiện ngày, tháng, năm và nội dung trả tiền; cuối giấy trả tiền không có chữ ký xác nhận của các bên theo một văn bản thông thường; bà L cũng không thừa nhận anh T có trả số tiền này; anh T khai trả tiền lãi hàng tháng cho bà L 10.000.000 đồng từ ngày vay đến ngày 04-12-2018, nhưng giấy nợ ngày 04-12-2018 anh T trả tiền lãi 125.000.000 đồng và hỗ trợ cho bà L là không phù hợp và kể từ ngày 04-12-2018 anh T không

còn nợ, nhưng đến ngày 17-12-2018, anh T chuyển khoản trả cho bà L 8.000.000 đồng tiền lãi, bà L thừa nhận số tiền này. Ngoài chứng cứ đã nêu anh T không còn cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh trả tiền vay cho bà L 200.000.000 đồng. Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-7-2021 anh T có đơn kháng cáo và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí kháng cáo cùng ngày cho Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, là đảm bảo thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 26-8-2018, anh Đặng Xuân H ký giấy vay của bà Ngô Thị L 200.000.000 đồng, anh Phan Văn T ký tên, đóng dấu Cty bảo lãnh cho số tiền vay của anh H. Giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, không hẹn thời gian trả nợ, nhưng hai bên đương sự đều xác định khi cho vay có tính lãi và khi nào bà L cần sử dụng số tiền trên thì báo trước cho anh T, anh H để trả lại. Như vậy, việc cho vay tiền có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ, bà L khai lãi suất 0,94%/tháng, anh T khai 05%/ tháng là không thống nhất và có tranh chấp, do đó Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử áp dụng mức lãi suất 10%/ năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[3] Tại các biên bản hòa giải ngày 12-8-2020 (BL38); ngày 09-6-2021 (BL143) và biên bản đối chất ngày 09-6-2021 (BL141) anh T khai, sau khi vay tiền hàng tháng anh H giao tiền lãi 10.000.000 đồng cho anh, để anh trực tiếp trả cho bà L đến ngày 04-12-2018. Nhưng tại Giấy trả tiền vay ngày 04-12-2018 do anh T viết cung cấp cho Tòa án ghi rõ, ngoài trả số tiền anh H vay 200.000.000 đồng, thì anh T còn trả thêm cho bà L 125.000.000 đồng tiền lãi, nếu đúng anh T đã trả xong tiền vay, tiền lãi cho bà L, nhưng vì sao đến ngày 17-12-2018 thông qua dịch vụ chuyển tiền của Thế giới di động, anh T tiếp tục chuyển trả cho bà L 8.000.000 đồng tiền lãi. Xét lời trình bày và chứng cứ anh T cung cấp, thì từ khi vay tiền đến ngày 04-12-2018, anh H giao tiền lãi cho anh T đầy đủ để trả cho bà L hàng tháng theo mức lãi suất 05%/ tháng (khoảng 04 tháng, số tiền khoảng 40.000.000 đồng), nhưng giấy trả tiền ngày 04-12-2018 anh T lại trả cho bà L thêm 125.000.000 đồng tiền lãi, số tiền này hơn ½ số tiền đã vay. Lời khai và chứng cứ anh T cung cấp là mâu thuẫn, không phù hợp với thực tế.

[4] Giấy trả tiền vay ngày 04-12-2018, là chữ ký, chữ viết họ và tên của bà Ngô Thị L, nhưng không thể khẳng định bà L đã nhận số tiền 200.000.000 đồng anh T đã trả, vì giấy trả tiền này không đúng theo thể thức văn bản thông thường; giấy trả tiền vay là tờ giấy A4 đã bị cắt xén; bà L là người ký tên, ghi họ tên người nhận tiền, nhưng lại ký góc trái phần đầu trang giấy, tiếp theo đến nội dung trả

tiền do anh T viết, nhưng không có chữ ký xác nhận của bà L ở cuối nội dung này; tại phiên tòa anh T cho rằng, ở cuối giấy trả tiền không đủ để bà L ký tên là không có cơ sở, vì mặt sau tờ giấy trả tiền này là giấy trắng bà L vẫn ký tên, ghi họ và tên của mình. Từ nhận định trên, không có cơ sở để xác định anh T đã trả cho bà L số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi 125.000.000 đồng.

[5] Ngày 17-12-2018, anh T trả cho bà L tiền lãi được 8.000.000 đồng, tương đương lãi suất 01%/ tháng trong thời hạn 04 tháng là phù hợp với lời khai của bà L, nên không xem xét lại số tiền này bà L đã nhận. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà L yêu cầu anh T trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng và thời hạn tính lãi từ ngày 30-6-2019 đến khi xét xử là là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính:  $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 24 \text{ tháng} \times 14 \text{ ngày}$  (từ ngày 30-6-2019 đến ngày 14-7-2021) = 40.778.000 đồng.

[6] Bà L khởi kiện yêu cầu Cty và anh H trả số tiền vay 200.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà L, người đại diện hợp pháp của bà L yêu cầu, nếu Tòa án xác định Cty không phải là người bảo lãnh mà cá nhân anh T bảo lãnh thì bà L yêu cầu anh T, anh H người nào trả số tiền vay, tiền lãi bà L cũng đồng ý (BL195), việc thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện kiện ban đầu, nên được chấp nhận. Tại Tòa án anh T xác định, cá nhân anh là người bảo lãnh cho anh H vay tiền của bà L và anh H đã giao đủ tiền vay và tiền lãi cho anh để trả cho bà L, nếu Tòa án xác định số tiền 200.000.000 đồng chưa trả cho bà L, anh đồng ý một mình trả cho bà L. Do đó, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 40.778.000 đồng, tổng cộng 240.778.000 đồng.

[7] Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới cho yêu cầu của mình, nên không có cơ sở chấp nhận; Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận*”; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên được Tòa án chấp nhận*”, không có quy định nào sử dụng từ “buộc” đương sự có nghĩa vụ nộp án phí, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[9] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong...theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*”, cấp sơ thẩm xác định kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thi hành án thì phải chịu tiền lãi chậm thực

hiện nghĩa vụ là không đúng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 335, 342, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với anh Phan Văn T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh”.

2.1. Buộc anh Phan Văn T trả cho bà Ngô Thị L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 40.778.000 đồng. Tổng cộng 240.778.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Phan Văn T phải chịu 12.039.000 đồng (mười hai triệu, không trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Ngô Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L 6.000.000 đồng (sáu triệu) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0012043, ngày 02-7-2020 (số tiền 5.400.000 đồng) và Biên lai thu số: 0013087, ngày 14-7-2021 (số tiền 600.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0013089, ngày 14-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Vũ**













